

Số: 1343/TB-BVĐKTP

Tân Phú, ngày 28 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá xây dựng giá kế hoạch
Mua sắm thuốc năm 2026-2027 (lần 1)

Bệnh viện Đa khoa Tân Phú kính mời các Quý công ty, đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm thuốc năm 2026-2027 (lần 1).
2. Thông tin liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Tân Phú
Địa chỉ: 609-611 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.3622.0413 - 028.3622.0415 (line 529).
Email: khoaduocbvqtanphu.dauthau@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bằng file mềm qua email và văn bản giấy có ký tên, đóng dấu người đại diện.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:
Từ ngày ra thông báo đến trước 10 giờ 00 phút ngày 12/06/2026.
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày chào giá.
6. Phạm vi cung cấp và yêu cầu kỹ thuật: *Chi tiết theo 02 danh mục đính kèm.*
7. Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - Bảng chào giá của nhà cung cấp (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu đính kèm.
 - Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng kèm theo hóa đơn bán hàng cho các cơ sở y tế (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- T3G (Đăng website);
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Thanh Trường

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

**DANH MỤC THUỐC MỜI CHÀO GIÁ
THUỐC MUA SẴM THUỐC NĂM 2026-2027 (lần 1)**

(Đính kèm Thông báo số: 1314/TB-BVĐKTP ngày 28 tháng 5 năm 2026)



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	13C - Urea	75mg	Bột/cốm/hạt pha uống			Bộ		700
2	Accclofenac	200mg	Viên giải phóng có kiểm soát			Viên		86,000
3	Acetylcystein	300mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		400
4	Aciclovir	5%	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 2g		Tuýp		1,000
5	Acid amin	5%; 250ml	Thuốc tiêm truyền	Chai 250ml		Lọ/ống/chai/túi		2,000
6	Acid amin + glucose (+ điện giải)	40g + 80g	Thuốc tiêm truyền	Túi 2 ngăn 1000ml		Túi		104
7	Acid amin + glucose + lipid (+ điện giải)	40g + 80g + 50g	Thuốc tiêm truyền	Túi 1250ml		Túi/chai		40
8	Acid benzoic + Acid boric + Eucalyptol + Menthol + Methyl salicylat + Thymol	0,027g + 2,115g + 0,081g + 0,036g + 0,045g + 0,054g	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Chai 90ml		Chai/lọ		400
9	Amiodaron hydroclorid	150mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		60
10	Amlodipin	10mg	Viên			Viên		84,000
11	Amoxicilin	1000mg	Viên			Viên		28,000
12	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Viên			Viên		288,000
13	Azithromycin	200mg	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		8,400
14	Betamethason dipropionat + Clotrimazol	6,4mg + 100mg	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 10g		Tuýp		30

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
15	Budesonid + Formoterol fumarat dihydrat	(160mcg + 4,5mcg)/liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình 120 liều		Bình/chai /lọ		1,000
16	Calci carbonat + Calci gluconolactat	150mg + 1.470mg	Viên			Viên		100,000
17	Calci carbonat + Calci gluconolactat	300mg + 2.940mg	Viên			Viên		168,000
18	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	456mg + 426mg	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống			Ống/gói		134,000
19	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	456mg + 426mg	Viên sủi			Viên		134,000
20	Calcipotriol + Betamethason	(50mcg + 0,5mg)/1g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 15g		Tuýp		600
21	Cao Ginkgo biloba + Heptaminol clohydrat + Troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Viên			Viên		400,000
22	Carvedilol	12,5mg	Viên			Viên		10,000
23	Cefaclor	125mg	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		16,800
24	Cefepim	1g	Thuốc tiêm			Lọ/ống/ chai/túi		1,920
25	Cefpodoxim	50mg/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai 90ml		Chai/lọ		1,200
26	Cefpodoxim	200mg	Viên			Viên		20,000
27	Cefuroxim	125mg	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		12,000
28	Cilostazol	100mg	Viên			Viên		4,800
29	Clarithromycin	125mg/5m	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai 60ml		Chai/lọ		1,392
30	Codein + Terpin hydrat	10mg + 100mg	Viên			Viên		8,400
31	Codein camphosulphonat + Sulfogaiacol + cao mềm Grindelia	25mg + 100mg + 20mg	Viên			Viên		28,000
32	Colchicin	1mg	Viên			Viên		8,600
33	Cồn Boric	3%	Thuốc nhỏ tai	Chai 10ml		Chai/lọ		3,000
34	Desloratadin	5mg	Viên			Viên		56,000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
35	Dexketoprofen	50mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		2,000
36	Dextran 40 + Natri clorid	(10g + 0,9g)/100ml; 500ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/túi 500ml		Chai/Túi		1,200
37	Diazepam	10mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		660
38	Diazepam	5mg	Viên			Viên		200
39	Digoxin	0,25mg	Viên			Viên		4,000
40	Diosmectit	3g	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		24,000
41	Drotaverin clohydrat	40mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		6,600
42	Drotaverin hydrochloride	40mg/2ml	Thuốc tiêm			Ống		2,400
43	Empagliflozin	25mg	Viên			Viên		20,000
44	Eprazinon dihydroclorid	50mg	Viên			Viên		50,000
45	Esomeprazol	40mg	Viên			Viên		240,000
46	Etifoxin hydroclorid (chlohydrat)	50mg	Viên			Viên		26,000
47	Etomidat	20mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		40
48	Fentanyl	0,1mg/2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống 2ml		Lọ/ống/chai/túi		4,000
49	Fluocinolon acetonid	0,025%	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 10g		Tuýp		2,400
50	Fluorometholon	0,1%	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống 5ml		Chai/lọ/ống		6,000
51	Fluvoxamin	100mg	Viên			Viên		5,000
52	Glipizid	5mg	Viên giải phóng có kiểm soát			Viên		40,000
53	Glucose	10%	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ 500ml		Chai/lọ		6,000
54	Glucose	5%	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ 500ml		Chai/lọ		24,000

THÀNH
BỆNH
ĐẠI
TÂN

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
55	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	10mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/ chai/túi		100
56	Guaiazulen + Dimethicon	4mg + 300mg	Viên			Viên		62,000
57	Indapamide	1.5mg	Viên bao phim giải phóng kéo dài			Viên		20,000
58	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	100IU/ml	Thuốc tiêm	Bút Tiêm 3ml		Bút Tiêm		2,000
59	Insulin người trộn (70/30)	100UI/ml	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút Tiêm 3ml		Bút Tiêm		7,200
60	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Viên			Viên		900
61	Kali clorid	500mg	Viên			Viên		28,800
62	Kẽm sulfat	10mg Kẽm/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/gói 5ml		Ống/gói		28,800
63	Ketamin	500mg/10ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/ chai/túi 10ml		Lọ/ống/ chai/túi		10
64	Ketoprofen	2,5%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 30g		Tuýp		6,000
65	Levofloxacin	750mg/150ml; 150ml	Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/ chai/túi 150ml		Lọ/ống/ chai/túi		4,000
66	Lidocain	10%; 38g	Thuốc xịt ngoài da			Chai/lọ		360
67	L-Ornithin-L-aspartat	5g/10ml; 10ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/ chai/túi		200
68	Macrogol (polyethylen glycol) + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		6,400

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
69	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	(400mg + 460mg + 50mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống			Ống/gói		200,000
70	Magnesi sulfat	15%; 10ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		1,720
71	Manitol	20%; 250ml	Thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		140
72	Metoprolol tartrat	50mg	Viên			Viên		66,000
73	Midazolam	5mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		1,080
74	Mỗi 100ml chứa: Mediumchain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g	Mỗi 100ml chứa: Mediumchain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g; 250ml	Nhũ tương tiêm truyền			Chai		30
75	Montelukast (dưới dạng Natri montelukast)	4mg	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		24,000
76	Naloxon hydroclorid	0,4mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		40
77	Naphazolin	0,05%; 15ml	Thuốc nhỏ mũi			Chai/lọ		1,200
78	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	1%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		7,200
79	Natri clorid	0,9%; 100ml	Thuốc tiêm truyền			Chai/lọ		76,800
80	Natri hyaluronat	25mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Ống/bơm tiêm		3,000
81	Nefopam hydroclorid	30mg	Viên			Viên		40,000
82	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		2,400
83	Nhũ dịch lipid	20%; 250ml	Thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		60
84	Norethisteron	5mg	Viên			Viên		28,800

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
85	Nước oxy già	3%; 60ml	Thuốc dùng ngoài			Chai/lọ		2,400
86	Nystatin + Neomycin + Polymycin B	100.000UI + 35.000UI + 35.000UI	Viên đặt âm đạo			Viên		4,000
87	Ofloxacin	0,3%; 3,5g	Thuốc tra mắt			Tuýp		2,600
88	Olopatadin (hydroclorid)	0,2%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		1,000
89	Otilonium bromid	40mg	Viên			Viên		10,000
90	Pantoprazol	40mg	Viên			Viên		1,200,000
91	Pantoprazole (dưới dạng (Pantoprazole sodium sesquihydrate)	40mg	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch			Lọ		2,400
92	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Viên			Viên		84,000
93	Pethidin hydroclorid	100mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		600
94	Pilocarpin	2%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		20
95	Piperacillin + Tazobactam	2g + 0,25g	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		3,600
96	Polyethylen glycol + Propylen glycol	0,4% + 0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		3,600
97	Polystyren	5g	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		320
98	Prednisolon acetat	1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		4,800
99	Progesteron	400mg	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng			Viên		8,000
100	Ramipril	2,5mg	Viên			Viên		48,000
101	Repaglinid	2mg	Viên			Viên		12,000
102	Rifamycin	200.000 UI; 10ml	Thuốc nhỏ tai			Chai/lọ		720
103	Ringer acetat	500ml	Thuốc tiêm truyền			Chai/lọ		88,000
104	Rocuronium bromid	50mg/5ml; 5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		600

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
105	Salbutamol (sulfat)	100mcg/liều; 200 liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều			Bình/chai /lọ		4,200
106	Salbutamol (sulfat)	2,5mg/2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung			Chai/lọ/ ống		28,000
107	Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung			Chai/lọ/ ống		8,000
108	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	(30mg + 0,5mg)/g; 30g	Thuốc dùng ngoài			Tuýp		1,800
109	Salmeterol + Fluticason propionat	(25mcg + 125mcg)/liều; 120 liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều			Bình/chai /lọ		204
110	Salmeterol + Fluticason propionat	(25mcg + 250mcg)/liều; 120 liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều			Bình/chai /lọ		2,400
111	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	50mg/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống			Chai/lọ		320
112	Silymarin	200mg	Viên			Viên		60,000
113	Simethicon	40mg	Viên			Viên		104,000
114	Simethicon	40mg/ml; 30ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống			Chai/lọ		1,300
115	Simethicon	125mg	Viên			Viên		20,000
116	Sorbitol	5g	Bột/cốm/hạt pha uống			Gói		2,000
117	Spiramycin	3MUI	Viên			Viên		8,000
118	Sufentanil	50mcg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/ chai/túi		50
119	Suxamethonium clorid	100mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/ chai/túi		200
120	Tetracain hydroclorid	0,5%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ ống		1,200

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
121	Thiamazol	10mg	Viên			Viên		84,000
122	Tinh dầu trà + Bạc hà	(0,25ml + 0,05ml)/5ml; 5ml	Dung dịch xông mũi			Chai/lọ		200
123	Tinidazol	500mg	Viên			Viên		9,600
124	Tobramycin	80mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		6,000
125	Tobramycin	0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		1,500
126	Tobramycin + Dexamethason	0,3% + 0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt			Chai/lọ/ống		10,000
127	Tramadol hydroclorid	100mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		900
128	Tranexamic acid	500mg	Viên			Viên		12,000
129	Tretinoin	0,05%; 15g	Thuốc dùng ngoài			Tuýp		3,600
130	Tretinoin + Erythromycin	0,025% + 4%; 30g	Thuốc dùng ngoài			Tuýp		4,000
131	Valproat natri + Valproic acid	333mg + 145mg	Viên giải phóng có kiểm soát			Viên		32,000
132	Valproic acid	500mg	Viên			Viên		60,000
133	Vancomycin	1g	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền			Lọ/ống/chai/túi		130
134	Venlafaxin	75mg	Viên giải phóng có kiểm soát			Viên		2,000
135	Vitamin A + Vitamin D3	4.000 UI + 400 UI	Viên			Viên		288,000
136	Vitamin B1 + B2 + B6 + PP + kẽm sulfat + Lysin	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai 120ml		Chai/lọ		1,200
137	Vitamin C	1000mg	Viên sủi			Viên		48,000
138	Vitamin E	400UI	Viên			Viên		40,000
	TỔNG CỘNG		138 khoản					

DANH MỤC THUỐC MỜI CHÀO GIÁ
THUỐC MUA SẴM THUỐC NĂM 2026-2027 (lần 1)

(Đính kèm Thông báo số 1590/TB-BVĐKTP ngày 28 tháng 5 năm 2026)

Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.		Viên nang			Viên		240,000
2	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.		Viên nang			Viên		440,000
3	Hà thủ ô dò/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).		Viên			Viên		280,000
4	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược		Viên			Viên		700,000
5	Kim tiền thảo.	280mg	Viên nang			Viên		500,000
6	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor.	(nồng độ, hàm lượng của thành phần thuốc)/20ml	Thuốc dùng ngoài			Chai/lọ		1,360
7	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật).		Viên nang			Viên		72,000
8	Nhân sâm, Tam thất.		Viên			Viên		12,000
9	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).		Viên nang			Viên		192,000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
10	Địa long, Hoàng kỳ, Dương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.		Viên hoàn			Viên		48,000
11	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	(nồng độ, hàm lượng của thành phần thuốc)/6g	Viên hoàn			Chai/lọ		50,000
12	Đương quy, Bạch quả.		Viên nang			Viên		600,000
13	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trình nữ).		Viên nang			Viên		300,000
	TỔNG CỘNG		13 khoản					